

Bản án số: 06 /2022/HNGĐ - ST
Ngày 26/5/2022
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN TỈNH GIA LAI

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Ksor H’Đuen
- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc
2. Bà Ksor H’Mloet
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Minh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.
- **Đại diện viện kiểm sát nhân huyện Phú Thiện tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Minh – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2021/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Siu L, sinh năm 1987

Bị đơn: Anh Rcom B, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh B vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do, dù đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 23/12/2021, các biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn chị Siu L trình bày:

Chị và anh Rcom B tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng kết hôn năm 2015 và có Đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai vào ngày 07/7/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian nhưng không hạnh phúc, thường hay xảy ra mâu thuẫn, do anh B không quan tâm đến gia đình, vợ chồng không có tình cảm, sau đó vợ chồng sống ly thân tính đến nay đã hơn 3 năm, thời gian qua vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Giờ xác định vợ chồng không thể về đoàn tụ, không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Rcom B.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai.

* *Đối với bị đơn anh Rcom B:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh B và điện thoại báo cho anh B. Nhưng anh B không đến Tòa án làm việc để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thẩm quyền, trách nhiệm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong vụ án thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình trong việc cung cấp chứng cứ, tham gia các buổi hòa giải. Các thủ tục tố tụng tại phiên tòa được Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa tiến hành đầy đủ, đúng thủ tục.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Siu L, xử cho chị L ly hôn anh B.

- Về án phí: Buộc chị L chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Siu L yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Rcom B. Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh B là bị đơn trong vụ kiện có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại Thôn C, xã C, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Bị đơn anh Rcom B, vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Siu L và anh Rcom B có đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/2015 tại UBND xã C, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh B là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi chung sống với nhau một thời gian, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân đã hơn 3 năm nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên chị L yêu cầu ly hôn.

Đối với anh B mặc dù đã được Tòa án đã tổng đạt các giấy triệu tập hòa giải và các văn bản tố tụng nhưng anh B đều không đến.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Siu L là có căn cứ vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh B.

[4] *Về tài sản chung*: Anh chị không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về nợ chung*: Anh chị không nợ ai và không ai nợ anh chị nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] *Về án phí*: Chi L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Siu L .

* Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Siu L ly hôn với anh Rcom B.

* Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị Siu L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007799 ngày 23/12/2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. Số tiền này được chuyển thành tiền án phí sung ngân sách nhà nước.

Chị L và anh B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú Thiện;
- Chi cục THA DS huyện Phú Thiện;
- Các đương sự;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Lưu HSA, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Ksor H'Duen